

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-6-2018.
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Bàn Thị Ba

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông An Viết Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc: “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Số điện thoại: 0967435623;

Hôm nay có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1981;

Nơi ĐKKHTT: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Chỗ ở hiện nay: R – hwer 12 M – Liên Bang Nga;

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 1 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H và chị Nguyễn Thị N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 15

tháng 9 năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ khoảng tháng 4 năm 2016. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng anh có nhiều điều bất đồng trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hòa thuận, chị N tự ý bỏ đi nước ngoài làm ăn không hề bàn bạc với anh, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn sự cảm thông chia sẻ với nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung. Cháu tên là: Nguyễn Mạnh C – Sinh ngày: 04/9/2000. Hiện nay cháu C đang ở với anh tại xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/4/2018 và các đơn trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và Anh H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 15 tháng 9 năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhất từ khoảng tháng 4 năm 2016. Lý do mâu thuẫn vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa, vì điều kiện hoàn cảnh nên chị phải đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng không còn sự thông cảm và chia sẻ với nhau, chị cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Anh H có đơn xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với Anh H để mỗi người tự lo một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung. Cháu tên là: Nguyễn Mạnh C – Sinh ngày: 04/9/2000. Hiện nay cháu C đang ở với anh H tại xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng giao cháu C cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu đã chuẩn bị đủ 18 tuổi nên chị N không tiến hành việc cấp dưỡng nuôi cháu.

Về tài sản và công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc ở xa nên không thể đến tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng kể từ thời thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS và đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh C – Sinh ngày: 04/9/2000 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và việc nuôi con chung là không cố định.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo, lời khai của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B. Do bị đơn chị Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại L nên Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành chuyển đơn khởi kiện của Anh H lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt vì đi làm tại L nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án không thể tiến hành hòa giải được và căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 15/9/1999. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhất từ khoảng tháng 4 năm 2016. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điều bất đồng về quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không hòa thuận, do điều kiện hoàn cảnh nên chị N đi làm ăn ở nước ngoài từ đó anh chị không thống nhất với nhau được nhiều vấn đề nên dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh H chị N đã ly thân được khoảng 02 năm, hai vợ chồng không còn thương yêu đi lại chăm sóc nhau, nêu cố gắng khắc phục cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh H xin ly hôn với chị N.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung, tên là: Nguyễn Mạnh C – Sinh ngày: 04/9/2000. Hiện nay cháu C đang ở với anh H tại xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang, hiện nay cháu C. Căn cứ vào ngày tháng năm sinh của cháu C đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm thì cháu C còn 2 tháng 19 ngày nữa là đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu C cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu C và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và việc nuôi con chung là không cố định.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh C – Sinh ngày: 04/9/2000 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và việc nuôi con chung là không cố định.

3. Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số BB/2012/02651 ngày 07/2/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị N được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HG;
- Cục THA DS tỉnh HG;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân